UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VÕ NHAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144 /KH-UBND	*Võ Nhai, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Võ Nhai

Căn cứ các Kế hoạch của UBND tỉnh Thái Nguyên: Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 30/6/2022 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 8/5/2024 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

UBND huyện Võ Nhai xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện *(sau đây viết tắt là Kế hoạch)*, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 30/6/2022 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Võ Nhai trong năm 2024 (*sau đây viết tắt là Chương trình*).

- Xác định rõ các mục tiêu phấn đấu trong năm 2024 của huyện; từ đó có kế hoạch cụ thể, đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo đề ra.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được phân công, bố trí và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

2. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được năm 2024

2.1. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch giảm nghèo

- Phấn đấu giảm 4,53% tỷ lệ nghèo đa chiều. Trong đó giảm tỷ lệ hộ nghèo là 3,58% và 0,95% hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia *(có Phụ lục I chi tiết kèm theo)*.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng ít nhất 08 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát

triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động có việc làm bền vững.

-100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản và nâng cao về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

2.2. Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- *Chiều thiếu hụt về việc làm:* 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- *Chiều thiếu hụt về y tế:* 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các xã ĐBKK xuống dưới 10%.

- *Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:*

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi trên 97%.

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc xã có tỷ lệ nghèo đa chiều cao, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 65%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt từ 29,62% trở lên.

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ, đào tạo kỹ năng nghề cho phù hợp.

- *Chiều thiếu hụt về nhà ở:* Phấn đấu hỗ trợ cho ít nhất 164 hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở từ nguồn lực xã hội hóa, nguồn Quỹ "*Vì người nghèo*" các cấp, kết hợp với cho vay ưu đãi để các hộ cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới về nhà ở, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- *Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh:* 94% trở lên hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 63% trở lên hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- *Chiều thiếu hụt về thông tin:* Ít nhất 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% trở lên các hộ gia đình sinh sống địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các sản phẩm truyền thông.

(Có phụ lục 3 đính kèm)

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên địa bàn huyện; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Kế hoạch và quy định của pháp luật.

d) Kinh phí thực hiện: 3.634 triệu đồng *(vốn sự nghiệp)*. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 3.160 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 474 triệu đồng *(Ngân sách tỉnh: 331,8 triệu đồng, ngân sách huyện 142,2 triệu đồng)*.

e) Phân công thực hiện

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban liên quan để tổ chức thực hiện trên địa bàn quản lý;

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, các chương trình, đề án phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh, sản phẩm chủ lực tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên địa bàn huyện.

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

- Hỗ trợ hình thành liên kết chuỗi sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông sản tiềm năng, thế mạnh, sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

d) Kinh phí thực hiện: 1.596,2 triệu đồng *(vốn sự nghiệp)*. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.388 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 208,2 triệu đồng *(Ngân sách tỉnh: 145,7 triệu đồng, ngân sách huyện: 62,5 triệu đồng)*.

e) Phân công thực hiện

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với PhòngNông nghiệp và Phát triển nông thôn, các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn quản lý.

2.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Đối tượng: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo và cận nghèo; vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng trong thiên tai, dịch bệnh.

- Nâng cao năng lực cho giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học. Hỗ trợ trang thiết bị đồng bộ như: Cân, thước đo…cho các trường học, nhằm đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ học đường.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (*trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi*).

- Hỗ trợ phụ cấp cho cộng tác viên dinh dưỡng/y tế thôn bản tại những xã khó khăn.

- Theo dõi, giám sát thường quy và tổ chức điều tra, khảo sát định kỳ nhằm đánh giá thực trạng, tiến độ, kết quả thực hiện.

d) Kinh phí thực hiện: 557,8 triệu đồng *(vốn sự nghiệp)*. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 485 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 72,8 triệu đồng *(Ngân sách tỉnh: 50,9 triệu đồng, ngân sách huyện 21,8 triệu đồng)*.

e) Phân công thực hiện

- Phòng Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Các phòng, ban ngành, đơn vị có liên quan phối hợp tổ chức thực hiện.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người cận nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng

- Người học nghề; lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và đơn vị, cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề.

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Kinh phí thực hiện: 1.182,2 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*). Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.028 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 154,2 triệu đồng (*Ngân sách tỉnh 107,9 triệu đồng, ngân sách huyện 46,3 triệu đồng).*

e) Phân công thực hiện

- Trung tâm GDNN-GDTX huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Đối tượng: Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trung tâm dịch vụ việc làm; cơ quan quản lý nhà nước các cấp; cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

- Hỗ trợ giao dịch việc làm.

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; lưu giữ, bảo mật thông tin cơ sở dữ liệu quản lý lao động.

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Kinh phí thực hiện: 1.001,7 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*). Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 871 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 130,7 triệu đồng (*Ngân sách tỉnh 91,5 triệu đồng, ngân sách huyện 39,2 triệu đồng).*

e) Phân công thực hiện

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông và các cơ quan, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn quản lý.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng: Người nghèo, người dân; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua "*Võ Nhai chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*", biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

d) Kinh phí thực hiện: 135,7 triệu đồng *(vốn sự nghiệp)*. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 118 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 17,7 triệu đồng *(Ngân sách tỉnh: 12,4 triệu đồng, ngân sách huyện: 5,3 triệu đồng)*.

e) Phân công thực hiện

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông chủ trì phối hợp các cơ quan, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công tác giảm nghèo; bảo đảm đội ngũ cán bộ có đủ năng lực thực hiện Kế hoạch giảm nghèo đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng: Đội ngũ cán bộ, nhân viên các cấp thuộc các cơ quan, ban, ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch giảm nghèo, nhất là cấp cơ sở (*cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cộng tác viên giảm nghèo, cán bộ các Hội, đoàn thể);* cán bộ, nhân viên, cộng tác viên các tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng tham gia triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch, chú trọng đối tượng là cán bộ nữ.

c) Nội dung thực hiện

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý; công tác xã hội - tình nguyện viên các cấp để hình thành mạng lưới hỗ trợ thực hiện công tác giảm nghèo tại các địa phương; bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

d) Kinh phí thực hiện: 512,8 triệu đồng *(vốn sự nghiệp)*. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 446 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 66,8 triệu đồng *(Ngân sách tỉnh: 46,8 triệu đồng, ngân sách huyện 20 triệu đồng)*.

e) Phân công thực hiện

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn quản lý.

5.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu: Bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, kế hoạch, đúng mục tiêu, đúng định hướng, đúng luật pháp, hiệu quả. Kịp thời giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn

chế. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các cơ quan chủ trì, quản lý và thực hiện các nội dung, hoạt động của Kế hoạch giảm nghèo.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch giảm nghèo.

c) Nội dung thực hiện

- Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Kế hoạch, gồm: Chế độ thu thập thông tin và tổng hợp các biểu mẫu; chế độ báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, tiểu dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (*khi cần thiết).*

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình hằng năm; tổ chức điều tra, rà soát hằng năm ở các cấp; giám sát quá trình rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các địa phương.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý dữ liệu giảm nghèo hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị thực hiện.

d) Kinh phí thực hiện: 478,4 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*). Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 416 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 62,4 triệu đồng (*Ngân sách tỉnh: 43,7 triệu đồng, ngân sách huyện 18,7 triệu đồng).*

e) Phân công thực hiện:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã và các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững; xác định giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước, là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy

mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần tương thân, tương ái nhất là đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội; đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "*Võ Nhai chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*", khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên "*thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no*" của người dân và cộng đồng, phấn đấu "*Vì một Việt Nam không còn đói nghèo*".

3. Thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, hỗ trợ có điều kiện; tăng cường chính sách tín dụng ưu đãi cho người nghèo. Khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là vùng nông thôn. Đẩy mạnh thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tăng cường kết nối vùng đã phát triển với địa bàn khó khăn; có chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ở những địa bàn tỷ lệ nghèo đa chiều cao, vùng khó khăn, gắn với quốc phòng an ninh.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo; bố trí đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và tăng cường các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước (*vốn trực tiếp cho chương trình hoặc lồng ghép từ các chính sách, chương trình, dự án khác*); vốn tín dụng ưu đãi; vốn huy động cộng đồng (*bao gồm cả tiền, hiện vật và ngày công lao động*) và doanh nghiệp.

5. Chỉ đạo, phối hợp thực hiện hiệu quả việc lồng ghép các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo nói chung và cơ chế, chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn toàn huyện, nhất là ở các địa bàn khó khăn, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

6. Nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, người tham gia thực hiện các nội dung của kế hoạch để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực, không rơi vào tình trạng nghèo đói. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm cho các đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện các dự án trong Chương trình giảm nghèo.

7. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện, giao mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn năm 2024 đã được UBND huyện giao đảm bảo tuan thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức, cơ chế quản lý thực hiện Chương trình và theo quy định. Xây dựng kế hoạch chi tiết, lộ trình thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2024.

8. Tăng cường kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cơ quan, đơn vị, địa phương. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương

trình.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Cơ chế huy động nguồn lực: Nguồn vốn ngân sách Trung ương (*vốn năm 2022, 2023 chuyển sang 2024; vốn năm 2024*), ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác; có giải pháp huy động các nguồn lực hợp pháp khác để cùng với nguồn lực ngân sách Nhà nước thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024: 9.098,7 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách Trung ương 7.912 triệu đồng, Ngân sách địa phương 1.186,7 triệu đồng *(Ngân sách tỉnh: 830,7 triệu đồng, ngân sách huyện: 356 triệu đồng)*.

(*Chi tiết Phụ lục II kèm theo).*

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực giúp UBND huyện chủ trì, điều phối, triển khai, thực hiện Kế hoạch này đảm bảo hoàn thành mục tiêu, các chỉ tiêu và nội dung kế hoạch đã đề ra.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện chỉ tiêu thiếu hụt về việc làm, đào tạo nghề đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp; các dự án, tiểu dự án (*Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; phát triển giáo dục nghề nghiệp; hỗ trợ việc làm bền vững; truyền thông về giảm nghèo đa chiều; nâng cao năng lực thực hiện Chương trình; giám sát, đánh giá Chương trình*) theo quy định.

- Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tổ chức rà soát, phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình. Chủ trì phối hợp với Chi Cục Thống kê khu vực Đồng Hỷ - Võ Nhai, UBND các xã, thị trấn tổng hợp, phân tích kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ hướng dẫn số lượng, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn; tiếp nhận và tổng hợp hồ sơ đề nghị của các tập thể, cá nhân thuộc các địa phương, đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình giảm nghèo trình UBND huyện (*qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện*); tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình giảm nghèo.

- Tham mưu chỉ đạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin, dữ liệu công tác giảm nghèo.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất, kết quả thực hiện Chương trình định kỳ, đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện

giao; tham mưu phân bổ kịp thời nguồn kinh phí thuộc Chương trình giảm nghèo cho các đơn vị, các xã, thị trấn được giao nhiệm vụ.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu bố trí nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng theo quy định; thực hiện nhiệm vụ được giao theo phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025.

- Hướng dẫn lồng ghép sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác, đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

3. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chủ trì thực hiện Chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; gắn Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, nhằm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo của Kế hoạch để thực hiện giảm nghèo bền vững, đồng thời đảm bảo không chồng chéo, trùng lắp giữa các chương trình, dự án trên cùng một địa bàn.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt về nước sạch và vệ sinh của hộ nghèo, hộ cận nghèo; triển khai, thực hiện Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá về thực hiện dự án và chỉ tiêu được giao.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thuộc lĩnh vực phụ trách theo quy định.

4. Phòng Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện Chương trình chăm sóc sức khoẻ cho người nghèo, người cận nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở.

- Tham mưu, đề xuất các giải pháp cải thiện chỉ số thiếu hụt về y tế trong các chỉ số thiếu hụt nghèo đa chiều của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Xây dựng giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận của người dân về dịch vụ khám chữa bệnh. Chủ trì tham mưu, triển khai các giải pháp giảm nghèo liên quan đến lĩnh vực y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng. Từng bước nghiên cứu, tham mưu chính sách nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá về thực hiện dự án và chỉ tiêu được giao. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ

trợ theo quy định.

5. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông, Cổng thông tin điện tử huyện, hệ thống truyền thanh cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung của Kế hoạch. Thực hiện việc tuyên truyền về mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo của các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong Chương trình giảm nghèo.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt về thông tin của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ gia đình sinh sống địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các xã còn khó khăn.

- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá về thực hiện dự án và chỉ tiêu được giao. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì hướng dẫn, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh diện hộ nghèo, cận nghèo; học sinh khuyết tật. Lồng ghép các chương trình, dự án về giáo dục và đào tạo thuộc ngành phụ trách với Chương trình giảm nghèo.

- Chủ trì tham mưu, triển khai thực hiện các giải pháp giảm nghèo liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chỉ số thiếu hụt về giáo dục trong các chỉ số thiếu hụt nghèo đa chiều của hộ nghèo. Lồng ghép việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ với Chương trình giảm nghèo.

- Tổ chức triển khai thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá về thực hiện chỉ tiêu được giao. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách theo quy định.

7. Phòng Dân tộc

- Chủ trì phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chủ trì phối hợp các ngành, địa phương thực hiện giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số nghèo và chính sách đối với hộ nghèo dân tộc kinh sinh sống ở các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

8. Phòng Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người nghèo bằng nhiều hình thức phù hợp; truyền thông các ấn phẩm, tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

9. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

- Chủ trì, phối hợp với phòng, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

10. Chi cục Thống kê khu vực Đồng Hỷ - Võ Nhai

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các xã, thị trấn kiểm tra, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương; phối hợp phân tích số liệu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo làm căn cứ hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

11. Phòng Nội vụ (*Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện)*

Phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn số lượng, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn; thẩm định hồ sơ, thành tích đề xuất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp cho Chương trình giảm nghèo; phong trào thi đua " *Võ Nhai chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau"* tôn vinh, biểu dương các doanh nghiệp, nhà hảo tâm "*vì cộng đồng*" có nhiều đóng góp trong công tác giảm nghèo, an sinh xã hội của huyện.

12. Bảo hiểm xã hội huyện

- Chỉ đạo, thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, làm nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình, đối tượng bảo trợ xã hội theo chính sách của trung ương và của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, góp phần tăng độ bao phủ tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định.

13. Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung của Kế hoạch. Thực hiện việc tuyên truyền về mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo của các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong Chương trình giảm nghèo.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 - Truyền thông về giảm nghèo đa chiều trên địa bàn huyện.

- Tổ chức triển khai thực hiện, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

14. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã,

thị trấn mở các lớp đào tào nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có thu nhập thấp từ nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG năm 2024; Tăng cường giới thiệu, kết nối việc làm thành công cho các lao động qua đào tạo chuyển đổi nghề tại các công ty, doanh nghiệp nhằm nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững.

- Tổ chức triển khai thực hiện và tổng hợp, báo cáo kết quả theo quy định.

15. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, quản lý chất lượng nông lâm thuỷ sản và chương trình công tác khác thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và hướng dẫn triển khai các mô hình dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo đúng quy định.

16. Các cơ quan, ban, ngành, đơn vị liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và nhiệm vụ UBND huyện giao tại Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 30/6/2022 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Võ Nhai và Kế hoạch này để chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời các chính sách về giảm nghèo; hỗ trợ giúp đỡ hộ nghèo, người nghèo cải thiện, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên các dịch vụ gắn với tiêu chí nghèo đa chiều như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin và các nhu cầu hỗ trợ khác.

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách giảm nghèo ở cơ sở.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và người dân hưởng ứng Phong trào thi đua "*Võ Nhai chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*"; phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*"; nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào giúp nhau giảm nghèo bền vững.

- Hướng dẫn Ủy ban MTTQ các xã, thị trấn và các tổ chức thành viên các cấp tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về con giống, vật nuôi, cây trồng, cải tạo vườn tạp; xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế đạt hiệu quả trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân; huy động nguồn lực hỗ trợ có địa chỉ để giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tạo sinh kế, cải thiện đời sống.

- Chủ trì, phát động "*Tháng cao điểm vì người nghèo*"; vận động ủng hộ Quỹ "*Vì người nghèo*" để tạo nguồn lực hỗ trợ xây dựng, sữa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội trên địa bàn.

- Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện các nội dung

của Kế hoạch.

18. Đề nghị Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Huyện Đoàn

- Phối hợp các phòng, ban, ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển kinh tế; vận động các tổ chức, cá nhân nhận giúp đỡ hộ nghèo thoát nghèo bền vững.

- Phối hợp Ngân hàng Chính sách xã hội huyện tạo điều kiện cho đoàn viên, hội viên nghèo vay vốn phát triển sản xuất từ nguồn vốn vay giảm nghèo và nguồn vốn vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động và các chương trình tín dụng cho vay ưu đãi khác đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Tổ chức giám sát, phản biện việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình dự án của Chương trình giảm nghèo.

19. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Căn cứ Kế hoạch này và thực tiễn của địa phương, xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu tại địa phương với các nhiệm vụ giải pháp phù hợp, thiết thực và hiệu quả nhằm đảm bảo mục tiêu, các chỉ tiêu chung của huyện trong năm 2024. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, của địa phương đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ và Nhân dân về công tác giảm nghèo bền vững. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện Chương trình giảm nghèo và lồng ghép các nguồn lực khác để thực hiện; gắn công tác giảm nghèo với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án trên địa bàn quản lý đảm bảo không để xảy ra chồng chéo, trùng lắp giữa các chương trình, dự án và đối tượng thụ hưởng theo quy định trên cùng một địa bàn; phân công rõ trách nhiệm cho từng cán bộ, công chức, đoàn thể, hội trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

- Chỉ đạo các xóm, tổ dân phố thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm đảm bảo khách quan, chính xác; quản lý, nắm chắc số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn và nguyên nhân dẫn đến nghèo của từng hộ để có biện pháp hỗ trợ kịp thời, hiệu quả; chú trọng việc vận động dòng họ, cộng đồng dân cư hỗ trợ, động viên và giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững, góp phần xây dựng xóm, tổ dân phố văn hoá.

- Rà soát, bổ sung kịp thời các trường hợp hộ gia đình trên địa bàn phát sinh khó khăn đột xuất cần xét duyệt bổ sung vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định. Phân công các thành viên Ban Chỉ đạo cấp xã phụ trách các xóm, tổ dân phố và trực tiếp giúp đỡ hộ nghèo có địa chỉ.

- Thực hiện cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý, hoàn thiện bộ cơ sở dữ liệu về hộ nghèo. Tổ chức đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết

quả thực hiện công tác giảm nghèo định kỳ, đột suất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Võ Nhai; các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND huyện (*qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)* để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Toản

PHỤ LỤC I
KẾ HOẠCH GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO HUYỆN VÕ NHAI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 144 /KH-UBND ngày 23 /5/2024 của UBND huyện Võ Nhai)

TT	Đơn vị	Số liệu hộ nghèo, cận nghèo cuối 2023					Kế hoạch giảm nghèo đa chiều năm 2024	
		Tổng số hộ dân cư	Hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Hộ cận nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (%)	Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo (%)
1	TT Đình Cả	984	31	3,15	9	0,91	**0,3**	**0,10**
2	Bình Long	1539	131	8,51	141	9,16	**2,14**	**1,30**
3	Cúc Đường	654	40	6,12	21	3,21	**1,96**	**0,15**
4	Dân Tiến	1755	235	13,39	200	11,40	**3,81**	**1,14**
5	La Hiên	2181	68	3,12	47	2,15	**0,41**	**0,14**
6	Lâu Thượng	1850	58	3,14	46	2,49	**0,38**	**0,16**
7	Liên Minh	1157	106	9,16	35	3,03	**2,44**	**0,29**
8	Nghinh Tường	700	280	40,00	195	27,86	**12,71**	**1,43**
9	Phú Thượng	1267	26	2,05	44	3,47	**0,39**	**0,32**
10	Phương Giao	1086	141	12,98	106	9,76	**5,25**	**5,16**
11	Sảng Mộc	665	261	39,25	83	12,48	**12,03**	**0,75**
12	Thần Xa	657	184	28,01	55	8,37	**8,94**	**0,76**
13	Thượng Nung	520	183	35,19	59	11,35	**11,16**	**0,96**
14	Tràng Xá	2151	200	9,30	287	13,34	**2,42**	**1,39**
15	Vũ Chấn	715	212	29,65	67	9,37	**11,39**	**0,56**
	Tổng cộng	**17881**	**2156**	**12,06**	**1395**	**7,80**	**3,58**	**0,95**

PHỤ LỤC II
KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG HUYỆN VÕ NHAI NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 144 /KH-UBND ngày 23 /5/2024 của UBND huyện Võ Nhai)

Stt	Dự án, hoạt động	Năm 2024				
		Tổng số	NSTW	Ngân sách địa phương		
				Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	**Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**3.634**	**3.160**	**474**	**331,8**	**142,2**
2	**Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	**2.154**	**1.873**	**281**	**196,7**	**84,3**
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	1.596,2	1.388	208,2	145,7	62,5
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	557,8	485	72,8	50,9	21,8
3	**Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**2.183,9**	**1.889**	**284,9**	**199,4**	**85,5**
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghề vùng nghèo, vùng khó khăn	1.182,2	1.028	154,2	107,9	46,3
3.2	Tiểu dự án 3: Dự án hỗ trợ việc làm bền vững	1.001,7	871	130,7	91,5	39,2
4	**Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	**135,7**	**118**	**17,7**	**12,4**	**5,3**
	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo	135,7	118	17,7	12,4	5,3
5	**Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**	**991,2**	**862**	**129,2**	**90,5**	**38,7**
5.1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	512,8	446	66,8	46,8	20
5.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	478,4	416	62,4	43,7	18,7
	TỔNG CỘNG	**9.098,7**	**7.912**	**1.186,7**	**830,7**	**356**

PHỤ LỤC III: TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện Kế hoạch giảm nghèo năm 2023 và kế hoạch năm 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 124 /KH-UBND ngày 23 /5/2024 của UBND huyện Võ Nhai)

Chỉ tiêu đến 2025	Kế hoạch năm 2023	Kết quả năm 2023	Kế hoạch năm 2024
Phấn đấu giảm trên 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia	Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3,66%	4,22%	3,58%
Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 10 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.	10 mô hình, dự án	12 mô hình, dự án	8 mô hình
Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.	100%.	100%.	100%.
100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được tập huấn , bồi dưỡng	100%	100%	100%
100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.	100%	100%	100%
100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế;	100%	100%	100%
- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng khó khăn qua đào tạo đạt 50%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%;	63% 26,1%	59,47% 38,22%	65% 29,62%
Phấn đấu hỗ trợ nhà ở cho 250 hộ nghèo	220 hộ	54 hộ	164 hộ
90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;	80%	69,11%	94%
ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.	59%	14,01%	63%
90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet;	80%	66,65%	94%
95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn xã khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo	95%	84%	95%